**Phụ lục II**

**MỨC GIÁ TỐI ĐA MUA XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG**

*(Kèm theo Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2024*

*của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Chủng loại xe** | **Mức giá tối đa** **(đồng/xe)** | **Ghi chú** |
| **I** | **Xe ô tô cứu thương** | **1.200.000.000** |  |
| **II** | **Xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết; xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng; xe ô tô tải** |  |  |
| 1 | Xe ô tô phục vụ tang lễ | 950.000.000 |  |
| 2 | Xe ô tô bán tải | 950.000.000 |  |
| 5 | Xe ô tô 5 - 8 chỗ ngồi | 950.000.000 |  |
| 6 | Xe ô tô 12 - 16 chỗ ngồi | 1.300.000.000 |  |
| 7 | Xe ô tô tải | 1.200.000.000 | Tùy vào tải trọng của xe sẽ có mức giá mua khác nhau theo giá thị trường. |
| **III** | **Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi** | **2.500.000.000** | **Tùy vào số chỗ ngồi của xe sẽ có mức giá mua khác nhau theo giá thị trường.** |